

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**GIÁO TRÌNH  
LẬP KẾ HOẠCH VÀ HẠCH  
TOÁN TRONG SẢN XUẤT KINH  
DOANH NÔNG LÂM KẾT HỢP  
MÃ SỐ: MĐ 05  
NGHỀ: SẢN XUẤT NÔNG LÂM KẾT HỢP  
Trình độ: Sơ cấp nghề**

**TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN:**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

**MÃ TÀI LIỆU: MĐ 05**

## LỜI GIỚI THIỆU

Dân giàu là tiêu chí của cuộc sống vật chất. Chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân làm giàu, dân có giàu thì nước mới mạnh. Nhưng đó là làm giàu chính đáng, hợp pháp, vượt lên tiêu cực, khuất tất. Muốn vậy không có con đường nào khác hơn là dựa vào khoa học kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới vào sản xuất nông lâm ngư nghiệp;

Xuất phát từ nhu cầu trên, Trường cao đẳng nghề Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc đã tiến hành biên soạn giáo trình mô đun “ Lập kế hoạch và hạch toán sản xuất nông lâm kết hợp” là một trong những tài liệu phục vụ cho nghề sản xuất nông lâm kết hợp. Giáo trình này được biên soạn một cách ngắn gọn phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng về lập kế hoạch và hạch toán sản xuất nông lâm kết hợp.

Giáo trình này được tổ chức giảng dạy cuối cùng sau khi đã học xong các mô đun của nghề như: Xác định nhu cầu thị trường và lựa chọn sản phẩm nông lâm kết hợp; Thiết lập hệ thống nông lâm kết hợp; Trồng cây trong hệ thống nông lâm kết hợp; Chăn nuôi trong hệ thống nông lâm kết hợp. Giáo trình gồm các nội dung chính sau:

Bài 1: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp

Bài 2: Hạch toán sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp

Chúng tôi biên soạn giáo trình này với mục đích: Làm giáo trình giảng dạy; Tài liệu cho người học trình độ Sơ cấp nghề; Tài liệu tham khảo cho những người có nhu cầu lập kế hoạch và hạch toán trong sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp.

Để hoàn thành giáo trình, chúng tôi chân thành cảm ơn sâu sắc đến Vụ tổ chức Cán bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tổng cục Dạy nghề - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, lãnh đạo Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc, các bạn đồng nghiệp đã tạo điều kiện và giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thu thập tài liệu và biên soạn giáo trình, song vì thời gian có hạn nên không thể tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự đóng góp và xây dựng của bạn đọc để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu giáo trình!

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 5 năm 2011

Tham gia biên soạn

- 1.Ths. Trần Đình Mạnh - Chủ biên
- 2.Ths. Hoàng Thị Thắm
3. Trần Quang Minh

## MỤC LỤC

ĐỀ MỤC	TRANG
<a href="#">LỜI GIỚI THIỆU</a> .....	1
<a href="#">MỤC LỤC</a> .....	4
<a href="#">MÔ ĐUN: LẬP KẾ HOẠCH VÀ HẠCH TOÁN SẢN XUẤT NÔNG LÂM KẾT HỢP</a> .....	6
<a href="#">Giới thiệu mô đun:</a> .....	6
<a href="#">BÀI 1: LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG LÂM KẾT HỢP</a> .....	7
<a href="#">Mục tiêu:</a> .....	7
<a href="#">A. Nội dung</a> .....	7
<a href="#">1. Vai trò của kế hoạch sản xuất kinh doanh</a> .....	7
<a href="#">2. Hệ thống kế hoạch trong sản xuất nông lâm kết hợp</a> .....	7
<a href="#">3. Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trong nông lâm kết hợp</a> .....	8
<a href="#">B. Câu hỏi và bài tập thực hành</a> .....	23
<a href="#">C. Ghi nhớ</a> .....	23
<a href="#">BÀI 2: HẠCH TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG LÂM KẾT HỢP</a> .....	24
<a href="#">Mục tiêu:</a> .....	24
<a href="#">A. Nội dung</a> .....	24
<a href="#">1. Khái niệm, tác dụng và nguyên tắc hạch toán kinh doanh</a> .....	24
<a href="#">2. Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh</a> .....	24
<a href="#">3. Hạch toán doanh thu</a> .....	26
<a href="#">4. Hạch toán lợi nhuận</a> .....	27
<a href="#">5. Hạch toán thu nhập ngày công</a> .....	27
<a href="#">6. Hạch toán sản xuất kinh doanh trong nông lâm kết hợp</a> .....	28
<a href="#">B. Câu hỏi và bài tập thực hành</a> .....	32
<a href="#">C. Ghi nhớ</a> .....	33
<a href="#">HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔ ĐUN: LẬP KẾ HOẠCH VÀ HẠCH TOÁN SẢN XUẤT NÔNG LÂM KẾT HỢP</a> .....	34
<a href="#">I. Vị trí, tính chất của mô đun:</a> .....	34
<a href="#">II. Mục tiêu của mô đun:</a> .....	34
<a href="#">III. Nội dung chính của mô đun</a> .....	34
<a href="#">IV. Hướng dẫn thực hiện bài tập, bài thực hành</a> .....	35

<u>V. Yêu cầu về đánh giá kết quả học tập</u> .....	35
<u>TÀI LIỆU THAM KHẢO</u> .....	36

## **MÔ ĐUN: LẬP KẾ HOẠCH VÀ HẠCH TOÁN SẢN XUẤT NÔNG LÂM KẾT HỢP**

**Mã mô đun: MD05**

### **Giới thiệu mô đun:**

Mô đun “ Lập kế hoạch và hạch toán sản xuất nông lâm kết hợp” là mô đun cuối cùng của nghề sản xuất nông lâm kết hợp;

Mục tiêu của mô đun: Giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch và hạch toán sản xuất nông lâm kết hợp. Qua đó xác định vai trò, trách nhiệm của bản thân người học đối với việc học nghề để tự tạo việc làm và phát triển kinh tế gia đình, địa phương;

Phương pháp học tập: Người học đọc trước tài liệu; nghe giáo viên trình bày bài giảng, suy nghĩ, nhận thức về kiến thức thu nhận được; học viên thảo luận theo nhóm và làm bài tập kiểm tra định kỳ và kiểm tra hết môn;

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của mô đun:

- Phương pháp kiểm tra:

+ Lần 1: Sau khi kết thúc bài 1, nội dung kiểm tra bài 1; Hình thức kiểm tra: Lý thuyết + Bài tập về lập kế hoạch; Thời gian kiểm tra 01 giờ.

+ Lần 2: Sau khi kết thúc bài 2, nội dung kiểm tra bài 2; Hình thức kiểm tra: Lý thuyết + Bài tập về hạch toán; Thời gian kiểm tra 01 giờ.

+ Kiểm tra hết mô đun: Sau khi kết thúc cả 2 bài, nội dung kiểm tra bài 1 và bài 2; Hình thức kiểm tra: Kết hợp cả lý thuyết và thực hành; Thời gian kiểm tra 02 giờ.

- Nội dung đánh giá:

+ Thời gian tham gia học tập nhiều hơn 80% tổng số giờ qui định

+ Người học phải qua kiểm tra 02 bài định kỳ, 01 bài kiểm tra hết môn và đạt kết quả từ 5 điểm trở lên

+ Trình bày kiến thức, kỹ năng theo mục tiêu mô đun

+ Hình thức kiểm tra: Viết

+ Kết quả kiểm tra đánh giá theo thang điểm 10. Phần lý thuyết chiếm 60%, bài tập thực hành chiếm 40%.

**Bài 1:****Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp****Mục tiêu:**

*Học xong bài này học viên sẽ:*

- Trình bày được vai trò của kế hoạch sản xuất kinh doanh, hệ thống kế hoạch trong sản xuất kinh doanh và những căn cứ cho việc lập kế hoạch sản xuất nông lâm kết hợp
- Lập được kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch tài chính trong sản xuất nông lâm kết hợp;
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tính kế hoạch trong sản xuất, kinh doanh.

**A. Nội dung****1. Vai trò của kế hoạch sản xuất kinh doanh**

- Đáp ứng được nhu cầu của thị trường
- Khắc phục được nhược điểm của phân tích tình hình thực tiễn kế hoạch trong sản xuất nông lâm kết hợp năm trước
- Phát huy hết tiềm năng nguồn lực trong sản xuất nông lâm kết hợp
- Thích ứng với kỳ kinh doanh tiếp theo

**2. Hệ thống kế hoạch trong sản xuất nông lâm kết hợp****2.1. Kế hoạch dài hạn (thường 4 – 5 năm hoặc 10 – 15 năm)****2.1.1. Khái niệm**

Kế hoạch dài hạn nhằm xác định một định hướng cho sự phát triển sản xuất và kinh doanh mà gia đình (nhà sản xuất) cần theo đuổi trong một khoảng thời gian tương đối dài (thường từ 4 – 5 năm hoặc 10 – 15 năm);

**2.1.2. Mục tiêu**

Thỏa mãn chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh mà gia đình (nhà sản xuất) đã lựa chọn

**2.1.3. Nội dung:****(1) Kế hoạch tạo lập hệ thống nông lâm kết hợp sản xuất hàng hóa:**

Tức là xây dựng một hệ thống nông lâm kết hợp từ lúc bắt đầu đến khi định hình phương hướng, cơ cấu, quy mô nông lâm kết hợp bước vào sản xuất kinh doanh ổn định;

**(2) Kế hoạch chuyển đổi phương hướng sản xuất kinh doanh trong hệ thống nông lâm kết hợp;**

Kế hoạch được xây dựng khi phương hướng sản xuất kinh doanh trong hệ thống nông lâm kết hợp chưa hoặc ít phù hợp với nhu cầu của thị trường, cần chuyển đổi ngành sản xuất kinh doanh cũ sang một số ngành sản xuất kinh doanh mới hoặc thay đổi vị trí của các ngành trong phương hướng sản xuất kinh doanh, hoặc kết hợp cả hai mặt trên thành phương hướng kinh doanh mới trong hệ thống nông lâm kết hợp.

3) Xác định nhu cầu thị trường, lựa chọn sản phẩm sản xuất và xây dựng giải pháp đầu tư trong một giai đoạn kéo dài nhiều năm.

## 2.2. Kế hoạch ngắn hạn (*kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm*)

### 2.2.1. Khái niệm:

Kế hoạch ngắn hạn thường được xây dựng cho thời gian ngắn hạn (kế hoạch ngày, tuần, tháng,...) là toàn bộ các hoạt động xây dựng lịch trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch tài chính, phân giao các công việc cho từng người, nhóm người nhằm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ đã xác định trong lịch trình sản xuất trên cơ sở sử dụng hiệu quả khả năng sản xuất của gia đình (nhà sản xuất).

### 2.2.2. Mục tiêu

- Giảm thiểu thời gian sản xuất;
- Giảm thiểu thời gian chờ đợi của khách hàng
- Giảm thiểu thời gian chờ đợi vô ích của lao động và máy móc, thiết bị
- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có của gia đình (nhà sản xuất)

### 2.2.3. Nội dung

Xây dựng lịch trình sản xuất, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- Xác định số lượng và khối lượng các công việc
- Tổng thời gian phải hoàn thành tất cả các công việc
- Thời điểm bắt đầu và kết thúc của từng công việc
- Thứ tự thực hiện các công việc

- Dự tính máy móc, vật tư, dụng cụ nguyên liệu và lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng các công việc đã đưa ra trong lịch trình sản xuất.

## 3. Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trong nông lâm kết hợp

### 3.1. Lập kế hoạch sản xuất

#### 3.1.1. Kế hoạch trồng trọt

(1) Kế hoạch sản lượng, diện tích năng suất cây trồng:

- Sản lượng được dự tính vào nhu cầu của thị trường trong năm kế hoạch
- Dự tính diện tích gieo trồng từng loài cây dựa vào điều kiện đất đai của hộ (chất đất, địa hình, điều kiện nước ...)



- Dự tính năng suất từng loài cây trồng dựa vào năng suất bình quân các năm trong sản xuất nông lâm kết hợp và điều kiện thâm canh của năm kế hoạch.

$$\text{Sản lượng kế hoạch} = \text{Diện tích kế hoạch} \times$$

$$\frac{\text{Sản lượng kế hoạch}}{\text{Diện tích kế hoạch}} =$$

$$\frac{\text{Sản lượng kế hoạch}}{\text{Năng suất kế hoạch}} =$$

\* **Ghi chú:** Trong giáo trình này chúng tôi lấy ví dụ từ khi lập kế hoạch đến hạch toán sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp: Trồng lúa, sắn, vải thiều, trồng rừng (Keo); Chăn nuôi lợn, gà, ngan; dịch vụ máy cày, bán phân NPK.

➤ **Ví dụ 01:** Kế hoạch sản lượng, diện tích và năng suất được tổng hợp theo mẫu biểu 01.

**Biểu 01: Kế hoạch sản lượng - Diện tích - Năng suất**

Số TT	Cây trồng sản phẩm	Sản lượng kế hoạch			Diện tích kế hoạch			Năng suất kế hoạch		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Vụ 1	Vụ 2		Vụ 1	Vụ 2		Vụ 1	Vụ 2
1	Lúa	3.150kg	1.400	1.750	14 sào	7 sào	7 sào	450	200	250
2	Sắn	2.000 kg	2.000		4 sào	4 sào		500 kg	500 kg/sào	
3	Vải thiều	6000 kg	6000 kg			200cây		30 kg	30kg/cây	
4	Trồng rừng	60m <sup>3</sup> /năm	60m <sup>3</sup>		2ha	2ha		30m <sup>3</sup>	30m <sup>3</sup> /ha	

(2) Kế hoạch biện pháp trồng trọt:

Kế hoạch biện pháp trồng trọt bao gồm: Kế hoạch làm đất, kế hoạch giống cây trồng, kế hoạch phân bón và kế hoạch tưới nước.

- Kế hoạch làm đất
- + Diện tích làm đất cho từng loài cây
- + Thời gian làm đất
- + Yêu cầu kỹ thuật làm đất
- + Quá trình làm đất

***Biểu 02: Kế hoạch làm đất***

- Kế hoạch giống cây trồng
- + Công thức tính số lượng cây trồng:

**NhasachMienphi.com**

➤ **Ví dụ 03:** Kế hoạch giống cây trồng được tổng hợp theo mẫu biểu 03.

**Biểu 03: Kế hoạch giống cây trồng**

Số TT	Giống cây trồng	Số lượng giống kế hoạch						Yêu cầu chất lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thời gian sử dụng	Nguồn giống cung cấp
		Diện tích gieo trồng	Mật độ gieo trồng	số lượng/cây con cần	Dự phòng		Tổng số cây cần				
					Tỷ lệ %	Số lượng					
1	Lúa	14 sào	3kg/sào	42kg	10	4,2kg	46,2 kg	F	Mắt vỏ sáng	Tháng 10 Tháng 4	Trung tâm giống của huyện
2	Sắn	4 sào	3cây/m <sup>2</sup>	4320 cây	10	432 cây	4752 cây	Hom cành	Dài 15cm Φ2÷3 cm	2/2010	Gia đình
3	Keo lai	2ha	1600 cây/ha	3200 cây	10	320 cây	3520 cây	Cây xanh tốt, không sâu bệnh	Cao 25÷30 cm, (d) cổ rễ 3cm	15/3/ đến 15/4 2010	Vườn ươm cây giống của vùng

- Kế hoạch phân bón

Căn cứ để xác định khối lượng phân bón

- + Diện tích gieo trồng từng loài cây
- + Đặc điểm lý hoá tính đất
- + Mức bón cho từng loài cây, loại đất

➤ **Ví dụ 04:** Kế hoạch phân bón được tổng hợp theo mẫu biểu 04.

**Biểu 04 : Kế hoạch phân bón**

TT	Loại phân bón Cây trồng	Diện tích gieo trồng	Phân đạm			Phân ka ly (kg)	Phân lân (kg)	Phân chuồng (kg)	Vôi bột (kg)
			U rê (kg)	Sun phát	Nitrat				
1	Lúa	14 Sào	42			42	28	4.200	28
2	Sắn	4320 Gốc	0	0	0	432	0	4320	0

3	Vải thiều	200 Gốc	400			100	200	4.000	100
4	Trồng rừng	2 ha 3200 Cây	0	0	0	0	320	0	0

- Kế hoạch tưới nước:

Căn cứ để lập kế hoạch tưới nước

- + Yêu cầu của cây trồng về độ ẩm
- + Diện tích gieo trồng từng loại cây
- + Mức nước tưới cho từng loại cây
- + Điều kiện về công cụ và nguồn nước

- Kế hoạch phòng trừ sâu, bệnh:

- + Dự đoán tình hình sâu, bệnh có thể xảy ra với từng loại cây trồng
- + Xác định phương án phòng trừ
- + Xác định các biện pháp trừ sâu bệnh (loại thuốc, liều lượng)
- + Xác định giá thành phòng trừ sâu bệnh cho từng loài cây.

### 3.1.2. Kế hoạch chăn nuôi

(1) Kế hoạch sản lượng, số lượng và năng suất vật nuôi:

$$\text{Sản lượng vật nuôi} = \text{Số lượng vật nuôi} \times \text{Năng suất vật nuôi}$$

➤ **Ví dụ 05:** Kế hoạch sản lượng, số lượng, năng suất vật nuôi được tổng hợp theo mẫu biểu 05.

**Biểu 05: Kế hoạch sản lượng, số lượng, năng suất vật nuôi**

TT	Giống vật nuôi	Sản lượng vật nuôi			Số lượng			Năng suất vật nuôi		
		Tổng số (kg)	Trong đó		Tổng số (con)	Trong đó		Tổng số (kg)	Trong đó	
			vụ 1 (kg)	vụ 2 (kg)		vụ 1 (con)	vụ 2 (con)		vụ 1 (kg)	vụ 2 (kg)
1	Lợn thịt siêu nạc	1380	900	480	16	10	6	170	90	80
2	Gà siêu thịt	540	300	240	180	100	80	6	3	3
3	Ngan siêu thịt	280	160	120	70	40	30	8	4	4

## (2) Kế hoạch biện pháp chăn nuôi:

## - Kế hoạch thức ăn:

Xác định số lượng từng loại thức ăn gia súc và xác định các biện pháp đảm bảo thức ăn cho chăn nuôi

Cách tính 1: Tính nhu cầu thức ăn cho một nhóm vật nuôi theo tiêu chuẩn thức ăn của một vật nuôi như sau:

Nhu cầu (khối lượng) thức ăn =	Số ngày chăn nuôi bình quân của nhóm (ngày)	Số vật nuôi bình quân của nhóm trong kỳ kế hoạch (con)	X	Tiêu chuẩn thức ăn của gia súc 1 ngày chăn nuôi (kg/ngày)
--------------------------------	---	--	---	---

Số ngày chăn nuôi bình quân của nhóm (ngày)	=	Số vật nuôi bình quân của nhóm trong kỳ kế hoạch (con)	X	Số ngày chăn nuôi của kỳ kế hoạch (ngày /con)
---	---	--	---	---

Trong công thức trên, số vật nuôi bình quân được tính bằng cách lấy số trung bình của vật nuôi dự tính đầu kỳ và cuối kỳ. Hoặc số trung bình, số vật nuôi dự tính ở đầu các tháng và cuối các tháng, cuối kế hoạch.

➤ **Ví dụ 06:** Kế hoạch thức ăn chăn nuôi được tổng hợp theo mẫu biểu 06.

**Biểu 06: Kế hoạch thức ăn chăn nuôi**

Loại nhóm vật nuôi	Số vật nuôi bình quân (con)	Số ngày chăn nuôi Bình quân của nhóm (ngày)	Số ngày chăn nuôi bình quân (ngày)	Tiêu chuẩn thức ăn vật nuôi 1 ngày (kg/ngày)	Nhu cầu thức ăn của nhóm (kg)	Khối lượng thức ăn cụ thể			
						Bột cá 5% (kg)	Bột ngô 20% (kg)	Rau xanh 40% (kg)	Bột sắn 35% (kg)
1. Lợn thịt siêu lạc	16	100	1600	5	8000	400	1.600	3200	2.800
2. Gà siêu lạc	180	100	1800	0.5	9000	450	1.800	3600	3.150
3. Ngan siêu lạc	70	100	7000	0.5	3.500	175	700	1400	1.225

- Kế hoạch chuồng trại
- + Xác định nhu cầu về diện tích chuồng trại (hoặc ao hồ)
- + Phương thức chăn nuôi khác nhau có nhu cầu diện tích kích thước chuồng trại khác nhau (vật nuôi lấy trứng, lấy thịt, sữa ...)
- Kế hoạch phòng trừ dịch bệnh
- + Dự toán tình hình dịch bệnh có thể xảy ra trong năm để lập kế hoạch
- + Xác định các phương thức phòng trừ tương ứng

### 3.2 Kế hoạch dịch vụ

- Nội dung kế hoạch dịch vụ cần lập
- + Xác định các dịch vụ dự tính kinh doanh trong năm kế hoạch
- + Khối lượng công việc dịch vụ từng loại
- + Thời gian thực hiện các công việc
- + Địa điểm thực hiện
- + Công cụ vật tư và nguồn cung ứng để thực hiện dịch vụ
- **Ví dụ 07:** Kế hoạch dịch vụ (nếu có) được tổng hợp theo mẫu biểu 07.

**Biểu 07: Kế hoạch dịch vụ**

Loại dịch vụ thời gian thực hiện	Khối lượng công việc		Địa điểm	Khách hàng	Công cụ vật tư và nguồn cung ứng
	Thực tế	Quy chuẩn nếu có			
<b>1- Cày đất</b> 1/6÷30/6/2010 1/11÷20/12/2010	260 sào 260 sào		Mình Sơn Hữu Lũng Lạng Sơn	Ông B, C,D...	- Máy cày, xăng, dầu
<b>2 – Phân NPK</b> 2÷31/12/2010	100tấn	Hà Bắc		Ông H, I, K...	- Nhà máy phân đạm Hà Bắc - Xe vận tải nhiều lần

### 3.3. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

- Những căn cứ để lập kế hoạch
- + Kết quả nghiên cứu khả năng tiêu thụ sản phẩm trên các loại thị trường mới (quen thuộc)
- + Tình hình tiêu thụ sản phẩm các năm trước
- + Các dự báo về thị trường liên quan tới tiêu thụ sản phẩm
- + Phương hướng tiêu thụ, phương tiện vận chuyển sản phẩm ..

➤ **Ví dụ 08:** Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm được tổng hợp theo mẫu biểu 08.

**Biểu 08: Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm**  
(Biểu này lấy số liệu tại biểu 01 và biểu 05)

Loại sản phẩm thời gian tiêu thụ	Số lượng (kg)	Địa điểm tiêu thụ	Khách hàng	Phương thức tiêu thụ	Phương thức vận chuyển	Ghi chú
1. Vải thiều 20/5÷15/7/ 2010	6.000	Hà Nội Bắc Giang Lạng Sơn	Ông D	Bán buôn	Xe ô tô	Khách hàng chịu cước vận chuyển
2. Thịt lợn hơi	1.380	Hà Nội Bắc Giang Lạng Sơn	Ông B	Bán cân hơi	Xe ô tô	
3. Gà siêu thịt	540	Bắc Giang Lạng Sơn	Ông C	Bán buôn		
4. Ngan siêu thịt	265	Bắc Giang Lạng Sơn		Bán buôn		

### 3.4. Kế hoạch tài chính

- Căn cứ xây dựng kế hoạch vốn
- + Chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp trồng trọt, chăn nuôi
- + Chỉ tiêu kế hoạch dịch vụ
- + Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

#### 3.4.1. Kế hoạch vốn sản xuất trong nông lâm kết hợp

- Xác định nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh
- Cân đối nhu cầu với các nguồn vốn

➤ **Ví dụ 09:** Kế hoạch vốn sản xuất kinh doanh được tổng hợp theo mẫu biểu 09.

**Biểu: 09: Kế hoạch vốn sản xuất kinh doanh trong năm**

Đơn vị tính: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Tổng nhu cầu vốn SXKD trong năm	Trong đó cân đối		
		Vốn tự có	Vay ngân hàng	Vay người khác/ nợ nhà cung cấp
<b>Ngành sản xuất</b>				
1. Ngành trồng trọt	38.000	30.000		8.000
2. Ngành chăn nuôi	76.000	50.000		26.000
3. Ngành dịch vụ	894.000	450.000		444.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.008.000,</b>	<b>530.000</b>		<b>478.000</b>

### 3.4.2 Kế hoạch thu, chi, lợi nhuận

(1) Các khoản thu: Thu từ kết quả trồng trọt, chăn nuôi dịch vụ, lãi tiền gửi ngân hàng.

(2) Các khoản chi: Chi mua vật tư, công cụ, trả công lao động, dịch vụ, khấu hao.

➤ **Ví dụ 10:** Dự toán chi, thu và lợi nhuận ngành trồng trọt được tổng hợp theo mẫu biểu 10.

#### **Biểu 10 : Dự toán chi, thu và lợi nhuận ngành trồng trọt**

(Biểu này được lấy số liệu từ biểu 01, 02, 03, 04)

Đơn vị tính: 1000 đồng

T T	Loại SP diện tích	Các loại chi phí và thu nhập	Thời gian	Số lượng	Đơn giá	Chi	Thu	Lợi nhuận
1	Lúa 14 sào	<b>A. Chi phí</b>				<b>14.940</b>		<b>7.110</b>
		<b>1) Chi phí cố định</b>				<b>50</b>		
		- Khấu hao TS				50		
		<b>2) Chi phí biến đổi</b>				<b>3.784</b>		
		- Giống lúa	10/2007	46,2 kg	13	600		
		- Phân đạm	4/2008	42 kg	7	294		
		- Phân lân		28 kg	3	84		
		- Phân kali		42 kg	14	588		



		- Phân chuồng		4200 kg	0,5	2.100		
		- Vôi bột		28 kg	1	28		
		- Thuốc trừ sâu		06 lọ	15	90		
		<b>3) Chi phí nhân công</b>		<b>80 Công</b>		<b>10.910</b>		
		- Công làm đất		25 Công	150	3.750		
		- Công làm mạ		4 Công	100	400		
		- Công cấy		7 Công	130	910		
		- Chăm sóc		15 Công	100	1.500		
		- Phun thuốc		4 Công	150	600		
		- Thu hoạch		25 Công	150	3.750		
		<b>4) Chi khác</b>				<b>196</b>		
		- Thuỷ lợi		28 kg	7	196		
		<b>B. Thu</b>						
		- Bán thóc		3.150 kg	7		<b>22.050</b>	
<b>2</b>	<b>Sấn 4 sào</b>	<b>A. Chi phí</b>				<b>5.396</b>		<b>6.640</b>
		1) Chi phí cố định				50		
		2) Chi phí biến đổi				286		
		3) Chi phí nhân công		<b>50 công</b>	<b>100</b>	5.000		
		4) Chi khác				60		
		<b>B. Thu</b>						
		- Bán sản		2000 kg	6		<b>12.000</b>	
<b>3</b>	<b>Vải thiều 200 cây</b>	<b>A. Chi phí</b>				<b>21.100</b>		<b>8.900</b>
		1) Chi phí cố định				100		
		2) Chi phí biến đổi				6.500		
		3) Chi phí nhân công		140 công	100	14.000		
		4) Chi khác				<b>500</b>		
		- Vận chuyển				500		

		<b>B. Thu</b>						
		- Bán vải		6.000 kg	5		<b>30.000</b>	
<b>4</b>	<b>Làm rừng 2ha</b>	<b>A. Chi phí</b>				<b>38.908</b>		<b>21.092</b>
		<b>1) Chi phí cố định</b>				<b>100</b>		
		<b>2) Chi phí biến đổi</b>				<b>3.008</b>		
		- Giống cây trồng		3.520 Cây	0,4	1.408		
		- Phân bón		320 kg	5	1.600		
		<b>3) Chi phí nhân công</b>		<b>350</b>		<b>34.200</b>		
		- Công làm đất		170 Công	100	17.000		
		- Chuyển cây		40 Công	80	3.200		
		- Công trồng		40 Công	100	4.000		
		- Công chăm sóc, khai thác		100 Công	100	10.000		
		<b>4) Chi khác</b>						
		- Thuê xe công nông trở cây về		2 Ca	800	1.600		
		<b>B. Thu</b>						
		- Bán gỗ		60m <sup>3</sup>	1000		<b>60.000</b>	

➤ **Ví dụ 11:** Dự toán chi, thu và lợi nhuận ngành chăn nuôi được tổng hợp theo mẫu biểu 11.

**Biểu 11: Dự toán chi, thu, lợi nhuận ngành chăn nuôi**

(Biểu này được lấy số liệu từ biểu 06)

Đơn vị tính: 1000 đồng

<b>T T</b>	<b>Loại SP</b>	<b>Các khoản chi và thu nhập</b>	<b>Ngày tháng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Chi</b>	<b>Thu</b>	<b>Lợi nhuận</b>
<b>1</b>	<b>Lợn thịt siêu nạc</b>	<b>A. Chi phí</b>				<b>71.820</b>		<b>28.780</b>
		<b>1) Chi phí cố định</b>				<b>200</b>		
		<b>2) Chi phí biến đổi</b>				<b>54.800</b>		

		- Giống vật nuôi		180 kg	78	14.040		
		- T/ấn 8.000kg trong đó:						
		+ Bột cá 5%		400 kg	15	6.000		
		+ Bột ngô 20%		1.600 kg	8	12.800		
		+ Rau xanh 40%		3.200 kg	1	3.200		
		+ Bột sắn 35%		2.800 kg	6,5	18.200		
		+ Củi đun (than tổ ong)		400 Viên	1	400		
		+ Thuốc phòng bệnh		8 Lọ	20	160		
		<b>3) Chi phí nhân công</b>		<b>204 công</b>		<b>16.320</b>		
		- Công chăm sóc		200 công	80	16.000		
		- Thu hoạch		4 công	80	320		
		<b>4) Chi khác: Vận chuyển</b>		<b>5 công</b>	<b>100</b>	<b>500</b>		
		<b>B. Thu</b>					<b>100.600</b>	
		- Bán lợn hơi		1.380 kg	70		96.600	
		- Bán phân lợn		4.000 kg	1		4.000	
<b>2</b>	<b>Gà siêu thịt</b>	<b>A. Chi phí</b>				<b>42.040</b>		<b>1.160</b>
		<b>1) Chi phí cố định</b>				<b>100</b>		
		<b>2) Chi phí biến đổi</b>				<b>41.940</b>		
		- Mua giống		180 Con	7	1.260		
		- Bột cá		450 kg	12	5.400		
		- Bột ngô		1.800 kg	7	12.600		
		- Rau xanh		3.600 kg	1	3.600		
		- Bột sắn		3.150 kg	6	18.900		
		- Thuốc phòng bệnh		12 lọ	15	180		
		<b>3) Chi phí nhân công</b>		<b>104 công</b>		<b>8.320</b>		
		- Công chăm sóc		100 Công	80	8.000		
		- Công thu hoạch		4 Công	80	320		

		<b>4) Chi phí khác</b>						
		- Công vận chuyển		4 Công	80	320		
		<b>B. Thu: Bán gà</b>		540 kg	80		<b>43.200</b>	
<b>3</b>	<b>Ngan siêu thịt</b>	<b>A. Chi phí</b>				<b>18.140</b>		<b>1.460</b>
		<b>1) Chi phí cố định</b>				<b>50</b>		
		<b>2) Chi phí biến đổi</b>				<b>16.330</b>		
		- Mua giống		70 Con	7	490		
		- Bột cá		175 kg	12	2.100		
		- Bột ngô		700 kg	7	4.900		
		- Rau xanh		1.400 kg	1	1.400		
		- Bột sắn		1.225 kg	6	7.350		
		- Thuốc phòng bệnh		06 lọ	15	90		
		<b>3) Chi phí nhân công</b>		<b>21 công</b>		<b>1.680</b>		
		- Công chăm sóc		20 công	80	1.600		
		- Công thu hoạch		1 công	80	80		
		<b>4) Chi phí khác</b>						
		- Công vận chuyển		1 công	80	80		
		<b>B. Thu</b>						
		Bán ngan		280 kg	70		<b>19.600</b>	

➤ **Ví dụ 12:** Dự toán chi, thu và lợi nhuận ngành dịch vụ được tổng hợp theo mẫu biểu 12.

**Biểu 12: Dự toán chi, thu và lợi nhuận ngành dịch vụ***(Biểu này được lấy số liệu từ biểu 07)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Loại dịch vụ	Các khoản chi và thu nhập	Ngày tháng	Số lượng	Đơn giá	Chi	Thu	Lợi nhuận
1	Cây Thuê	<b>A. Chi phí</b>				<b>24.600</b>		<b>6.600</b>
		1) Khấu hao: Máy				<b>2.000</b>		
		2) Chi phí biến đổi				17.000		
		- Nhiên liệu		800 lít	21	16.800		
		- Dầu bôi trơn		10 lít	20	200		
		3) Chi phí nhân công		55 công	80	4.400		
		4) Chi phí khác						
		- Vật tư phụ tùng				1.200		
		<b>B. Thu (Diện tích cây)</b>		520 sào	60		<b>31.200</b>	
2	Bán phân NPK	<b>A. Chi phí</b>				<b>436.200</b>		<b>13.739</b>
		1) Chi phí cố định				<b>1.000</b>		
		- Khấu hao nhà xưởng				1.000		
		2) Chi phí biến đổi				<b>401.400</b>		
		- Mua phân NPK		100 tấn	4.000	400.000		
		- Điện thắp sáng		100 Kw	1	100		
		- Vật tư dụng cụ khác				1.300		
		3) Chi phí nhân công				<b>8.800</b>		
		- Công trực tiếp		100 công	80	8.000		
		- Công gián tiếp (10% công trực tiếp)		10 công	80	800		
		4) Chi phí khác				<b>25.000</b>		
		- Thuê xe vận chuyển		50 Chuyến	500	25.000		
		<b>B. Thu</b>						

		- Bán phân NPK: 100 tấn (tỷ lệ hao hụt 0,5% x 100 tấn = 0,5tấn)		99,5 tấn	4.522		<b>499.939</b>	
--	--	---	--	----------	-------	--	----------------	--

➤ **Ví dụ 13:** Kế hoạch chi, thu và lợi nhuận được tổng hợp theo mẫu biểu 13.

**Biểu 13: Kế hoạch – Chi - Thu - Lợi nhuận**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Chi		Thu		Lợi nhuận
	Các khoản chi	Số tiền	Các khoản thu	Số tiền	
1	Sản xuất lúa	14.940	Sản xuất Lúa	22.050	7.110
2	Sản xuất sắn	5.396	Sản xuất Sắn	12.000	6.640
3	Sản xuất vải thiều	21.100	Sản xuất vải thiều	30.000	8.900
4	Sản xuất rừng	38.908	Sản xuất rừng	60.000	21.092
5	Chăn nuôi lợn siêu thịt	71.820	Chăn nuôi lợn siêu thịt	100.600	28.780
6	Chăn nuôi gà	42.040	Chăn nuôi gà	43.200	1.160
7	Chăn nuôi ngan	18.140	Chăn nuôi ngan	19.600	1.460
8	Dịch vụ cấy thuê	24.600	Dịch vụ cấy thuê	31.200	6.600
9	Dịch vụ phân NPK	436.200	Dịch vụ phân NPK	499.939	13.739
<b>Tổng cộng</b>		<b>623.266</b>		<b>718.747</b>	<b>95.481</b>

### 3.5. Kế hoạch giá thành sản phẩm

#### 3.5.1. Căn cứ để lập kế hoạch

- Bản dự tính giá thành sản phẩm, dịch vụ
- Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm
- Kế hoạch thu chi tài chính

#### 3.5.2. Các chỉ tiêu chủ yếu để xác định giá thành

- Khối lượng sản phẩm, dịch vụ của từng ngành
- Chi phí sản xuất, sản phẩm, dịch vụ từng ngành

➤ **Ví dụ 14:** Kế hoạch giá thành sản phẩm được tổng hợp theo mẫu biểu 14.

**Biểu 14: Kế hoạch giá thành sản phẩm**

(Biểu này tổng hợp từ biểu 10, 11)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Loại sản phẩm	Khối lượng Sản xuất (Kg)	Chi phí sản suất	Giá thành đơn vị SP / Dịch vụ (nghìn đ/kg)	Ghi chú
1. Thóc	3.150	14.940	4,7	
2. Sắn	2.000	5.396	2,69	
3. Quả vải thiều	6.000	21.100	3,52	
4. Lợn siêu nạc	1.380	71.820	52,0	
5. Gà siêu thịt	540	42.040	77,85	
6. Ngan siêu thịt	280	18.140	64,79	

**3.5.3. Mục đích của việc tính giá thành sản phẩm**

- Làm căn cứ để xác định giá bán
- Tìm giải pháp để giảm chi phí đầu vào và tăng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm.

**B. Câu hỏi và bài tập thực hành**

Bài tập	Hình thức thực hiện	Thời gian	Kết quả và sản phẩm
1. Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong nông lâm kết hợp	Cá nhân	8 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ</li> <li>- Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm</li> <li>- Kế hoạch tài chính</li> <li>- Kế hoạch thu – chi</li> <li>- Kế hoạch giá thành</li> </ul>

**C. Ghi nhớ**

- Kế hoạch ngắn hạn (kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm)
- Kế hoạch dài hạn (thường từ 4 – 5 năm hoặc 10 – 15 năm)
- Biểu kế hoạch sản lượng, diện tích và năng suất cây trồng

**Bài 2:****Hạch toán sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp****Mục tiêu:**

*Học xong bài này học viên sẽ:*

- Trình bày được khái niệm, tác dụng và nguyên tắc hạch toán kinh doanh, hạch toán thu chi trong sản xuất nông lâm kết hợp
- Hạch toán được ngành sản xuất trồng trọt, ngành chăn nuôi và ngành dịch vụ (nếu có) của gia đình;
- Có tinh thần trách nhiệm với công việc, nghiêm túc, trung thực, chính xác trong hạch toán.

**A. Nội dung chính****1. Khái niệm, tác dụng và nguyên tắc hạch toán kinh doanh****1.1. Khái niệm**

Hạch toán sản xuất kinh doanh trong nông lâm kết hợp là toàn bộ việc làm ghi chép phản ánh đầy đủ các khoản chi phí và thu nhập trong kỳ kinh doanh để tổng hợp so sánh, tính toán kết quả.

**1.2. Tác dụng**

- Giúp cho nhà sản xuất kinh doanh có lãi
- Giúp nhà sản xuất có quyền quyết định tối ưu trong quản lý, sản xuất kinh doanh
- Nâng cao trình độ về tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh
- Xác định các yếu tố đầu vào hợp lý, tính đúng, tính đủ các khoản chi.

**1.3. Nguyên tắc hạch toán kinh doanh**

- Toàn bộ các khoản thu - chi trong hạch toán đều quy ra đồng Việt Nam;
- Tự bù đắp, tự trang trải chi phí sản xuất để kinh doanh có lãi;
- Bảo toàn và phát triển được vốn;
- Tiết kiệm và hiệu quả.

**2. Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh****2.1. Khái niệm chi phí sản xuất kinh doanh**

Chi phí sản xuất kinh doanh là những khoản tiền mà nhà sản xuất phải chi ra để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình

**2.2. Phân loại chi phí**



- Các loại chi phí mà nhà sản xuất đầu tư vào sản xuất kinh doanh là rất khác nhau. Để hạch toán được thuận lợi, dễ thực hiện thì nhiệm vụ đầu tiên của việc hạch toán là phân loại được các chi phí;

Có nhiều tiêu chí được dùng để phân loại chi phí như:

(1) Chi phí cố định: Máy móc, dụng cụ, công cụ phân bổ giá trị của nó theo thời gian và cho từng sản phẩm (khấu hao tài sản)

(2) Chi phí biến đổi: Giống, phân bón, thuốc trừ sâu dùng vào sản phẩm nào tính cho sản phẩm đó

(3) Chi phí nhân công: Tất cả các công lao động của gia đình phục vụ sản xuất tính theo giá thị trường, theo giá từng địa phương.

(4) Chi phí khác: Thuế, thủy lợi, vận chuyển tìm hiểu thị trường, trả lãi vay ngân hàng.

- Phân loại theo mối quan hệ với các yếu tố cấu thành doanh thu thì thông thường các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh theo hai hình thức, đó là các khoản chi phí cố định (1) và chi phí biến đổi (2);

+ Chi phí cố định: Là những khoản chi phí rất ít hoặc không thay đổi khi số lượng sản phẩm sản xuất thay đổi;

Đối với sản xuất nông lâm kết hợp thì chi phí cố định thường là nhà cửa, máy móc, dụng cụ, công cụ...

Đặc điểm cơ bản của chi phí cố định là các khoản chi phí được đầu tư một lần nhưng thời gian sử dụng thường dài, qua nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh.

+ Chi phí biến đổi: Là những khoản chi phí tỷ lệ thuận với sản lượng của sản phẩm sản xuất ra, nó sẽ bị thay đổi khi có sự thay đổi về số lượng sản phẩm sản xuất.

Đối với sản xuất nông lâm kết hợp thì chi phí biến đổi thường là giống, thức ăn, phân bón, thuốc phòng trừ dịch, bệnh... Những khoản chi này có liên quan trực tiếp đến sản lượng đầu ra.

### 2.3. Hạch toán chi phí khấu hao

Chi phí khấu hao là phần giá trị đã hao mòn của chi phí cố định trong quá trình sản xuất kinh doanh;

- Chi phí khấu hao thường phụ thuộc theo thời gian. Thời gian sử dụng càng dài thì chi phí khấu hao càng lớn.

- Công thức tính khấu hao:  $C_k = G_{bd}/T$

\* Trong đó:

$C_k$  : Chi phí khấu hao (đồng/năm)

$G_{bd}$  : Giá trị ban đầu của tài sản (đồng)

T: Tổng số năm sử dụng của tài sản (năm)

➤ **Ví dụ 15:** Để phục vụ chăn nuôi gà thả đồi, gia đình xây dựng hệ thống chuồng trại với chi phí ban đầu là 25.000.000đồng. Hệ thống chuồng trại sử dụng trong 10 năm.

Như vậy, chi phí khấu hao chuồng trại trong 1 năm là:

$$C_k = G_{bd}/T = 25.000.000\text{đồng}/10 \text{ năm} = 2.500.000\text{đồng}/\text{năm}$$

#### 2.4. Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản chi có liên quan tới việc tạo ra sản phẩm, quản lý sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm.

- Công thức tính chi phí (SXKH):  $C_{sxkd} = C_k + C_{bd}$

\* Trong đó:

$C_{sxkd}$ : Chi phí sản xuất kinh doanh

$C_k$ : Chi phí khấu hao

$C_{bd}$ : Chi phí biến đổi

➤ **Ví dụ 16:** Để nuôi gà thả đồi, nhà chăn nuôi phải bỏ ra 25.000.000đồng chi phí biến đổi và 624.999đồng chi phí khấu hao chuồng trại (tính cho 3 tháng/đợt chăn nuôi).

Như vậy, chi phí sản xuất kinh doanh là:  $C_{sxkd} = C_k + C_{bd} = 25.000.000\text{đồng} + 624.999\text{đồng} = 25.624.999\text{đồng}$

#### 2.5. Hạch toán giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là tập hợp tất cả các chi phí sản xuất biểu hiện dưới hình thái tiền tệ theo giá thị trường đối với từng đơn vị sản phẩm.

Như vậy, giá thành đơn vị sản phẩm được hình thành bởi chi phí sản xuất và việc hạch toán giá thành sản phẩm là việc tính toán các khoản chi phí tham gia vào quá trình sản xuất tạo ra một đơn vị sản phẩm.

- Công thức tính:  $GT_{sp} = C_{sxkd}/S_{sp}$

\* Trong đó:

$GT_{sp}$ : Giá thành một đơn vị sản phẩm

$C_{sxkd}$ : Chi phí sản xuất kinh doanh

$S_{sp}$ : Số sản phẩm được sản xuất

➤ **Ví dụ 17:** Để chăn nuôi 500 con gà thả đồi, nhà chăn nuôi phải bỏ ra 25.000.000đồng chi phí biến đổi và 624.999đồng chi phí khấu hao.

Như vậy, giá thành sản phẩm là:  $GT_{sp} = C_{sxkd}/S_{sp} = (25.000.000\text{đồng} + 624.999\text{đồng})/500\text{con} = 51.250\text{đồng}/\text{con}$

### 3. Hạch toán doanh thu

#### 3.1. Khái niệm

Doanh thu là toàn bộ các khoản thu từ việc bán các sản phẩm của hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường

Như vậy, doanh thu phụ thuộc rất nhiều vào giá bán và khối lượng sản phẩm hàng hóa bán ra trên thị trường.

### 3.2. Công thức tính doanh thu

- Công thức tính doanh thu:  $DT = GB_{sp} \times S_{sp}$

\* Trong đó:

DT: Doanh thu

$GB_{sp}$ : Giá bán một sản phẩm

$S_{sp}$ : Số lượng sản phẩm bán ra

➤ **Ví dụ 18:** Nhà chăn nuôi bán 500 con gà thả đồi với giá bình quân là 100.000đồng/con. Như vậy, doanh thu là:

$$DT = GB_{sp} \times S_{sp} = 500 \times 100.000 = 50.000.000 \text{đồng}$$

## 4. Hạch toán lợi nhuận

### 4.1. Khái niệm

Lợi nhuận (lãi) là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí sản xuất kinh doanh

Lợi nhuận là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, là chỉ tiêu chất lượng để đánh giá hiệu quả kinh tế các hoạt động kinh doanh

### 4.2. Công thức tính lợi nhuận

- Công thức tính lợi nhuận (lãi):  $LN = DT - C_{sxkd}$

\* Trong đó:

LN: Lợi nhuận

DT: Doanh thu

$C_{sxkd}$ : Chi phí sản xuất kinh doanh

➤ **Ví dụ 19:** Từ tháng 25/10/2010 đến 30/01/2011 hộ chăn nuôi nhà ông Hoàng Văn A, sau hơn 3 tháng chăn nuôi thu được: 50.000.000đồng và chi phí sản xuất kinh doanh hết 25.624.999đồng.

Như vậy, lợi nhuận từ chăn nuôi gà thả đồi sau hơn 3 tháng là:

$$LN = DT - C_{sxkd} = 50.000.000 \text{đồng} - 25.624.999 \text{đồng} = 24.375.001 \text{đồng}$$

## 5. Hạch toán thu nhập ngày công

- Công thức tính thu nhập ngày công:  $T_{nc} = LN / C_{ld}$

\* Trong đó:

$T_{nc}$ : Thu nhập ngày công

LN: Lợi nhuận

$C_{ld}$ : Công lao động

➤ **Ví dụ 20:** Gia đình Ông Nguyễn Văn A năm 2010 cấy 3 sào lúa, lợi nhuận 5.500.000đồng. Có 3 lao động chính huy động sản xuất lúa với tổng số công trực tiếp sản xuất lúa hết 100 công.

Như vậy, thu nhập ngày công là:

$$T_{nc} = LN/C_{ld} = 5.500.000\text{đồng}/100 = 55.000\text{đồng/công}$$

## 6. Hạch toán sản xuất kinh doanh trong nông lâm kết hợp

### 6.1. Xác định các tiêu chí đánh giá

- (1) Công thức tính khấu hao:  $C_k = G_{bđ}/T$
- (2) Công thức tính chi phí (SXKH):  $C_{sxd} = C_k + C_{bđ}$
- (3) Công thức tính giá thành sản phẩm:  $GT_{sp} = C_{sxd}/S_{sp}$
- (4) Công thức tính doanh thu:  $DT = GB_{sp} \times S_{sp}$
- (5) Công thức tính lợi nhuận (lãi):  $LN = DT - C_{sxd}$
- (6) Thu nhập ngày công = Thu nhập/số ngày công của hộ
- (7) Lãi suất = Lãi /Chi phí sản xuất x 100
- (8) Thu nhập = Lãi + Giá trị công lao động của gia đình
- (9) Giá thành một đơn vị diện tích = Giá trị sản lượng/Diện tích canh tác

### 6.2. Hạch toán thu, chi cho ngành sản xuất trồng trọt

#### 6.2.1. Chi phí sản xuất

(1) Chi phí cố định: Máy móc, dụng cụ, công cụ phân bổ giá trị của nó theo thời gian và cho từng sản phẩm (khấu hao tài sản)

(2) Chi phí biến đổi: Giống, phân bón, thuốc trừ sâu dùng vào sản phẩm nào tính cho sản phẩm đó

(3) Chi phí nhân công: Tất cả các công lao động của gia đình phục vụ sản xuất tính theo giá thị trường, theo giá từng địa phương.

(4) Chi phí khác: Thuế, thủy lợi, vận chuyển tìm hiểu thị trường, trả lãi vay ngân hàng.

6.2.2. Thu nhập từ ngành trồng trọt: (Gồm bán cây, bán quả, củ, hoa, hạt, bán thân cây).

➤ **Ví dụ 21:** Thu nhập ngành trồng trọt được tổng hợp ở biểu 15

**Biểu 15 : Hạch toán ngành trồng trọt***(Biểu này được lấy số liệu từ biểu 10)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Loại sản phẩm	Tổng thu	Tổng chi	Lợi nhuận (Thu – chi)	Ghi chú
1	Sản xuất lúa	22.050	14.940	7.110	
2	Sản xuất sắn	12.000	5.396	6.640	
3	Sản xuất quả vải thiều	30.000	21.100	8.900	
4	Sản xuất rừng	60.000	38.908	21.092	
	<b>Tổng</b>	<b>124.05</b>	<b>80.344</b>	<b>43.742</b>	

**6.3. Hạch toán thu, chi ngành chăn nuôi****6.3.1. Chi phí sản xuất**

- (1) Chi phí cố định: Chuồng trại, dụng cụ, công cụ
- (2) Chi phí biến đổi: Chi mua: Giống, thức ăn, thuốc phòng trừ dịch bệnh
- (3) Chi phí nhân công: Chăm sóc bảo vệ, thu hoạch, bảo quản...
- (4) Chi phí khác: Vận chuyển, tìm hiểu thị trường, trả lãi vay ngân hàng

**6.3.2. Thu từ chăn nuôi:**

- Bán sản phẩm chăn nuôi
- Bán trứng, thịt, sữa, giống vật nuôi
- Bán phân của vật nuôi
- Bán bằng lấy giống vật nuôi, vật nuôi làm thuê

➤ **Ví dụ 22:** Thu nhập ngành chăn nuôi được tổng hợp ở biểu 16**Biểu 16: Hạch toán ngành chăn nuôi***(Biểu này được lấy số liệu từ biểu 11)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Loại sản phẩm	Tổng thu	Tổng chi	Lợi nhuận (Thu – chi)	Ghi chú
1	Lợn thịt siêu lặc	100.600	71.820	28.780	
2	Gà siêu thịt	43.200	42.040	1.160	

3	Ngan siêu thị	19.600	18.140	1.460	
	<b>Tổng</b>	<b>163.400</b>	<b>132.000</b>	<b>31.400</b>	

#### 6.4. Hạch toán thu, chi ngành nghề dịch vụ (nếu có)

##### 6.4.1. Chi phí sản xuất

(1) Chi phí cố định: Bao gồm khấu hao máy móc, dụng cụ, công cụ, nhà xưởng.

(2) Chi phí biến đổi: Mua xăng, dầu, điện, nguyên vật liệu.

(3) Chi phí nhân công: Gồm các công lao động trực tiếp, công gián tiếp.

(4) Chi phí khác: Thuế, thủy lợi, vận chuyển tìm hiểu thị trường, trả lãi vay ngân hàng.

6.4.2. Thu từ ngành nghề dịch vụ gồm: Toàn bộ thu nhập từ các dịch vụ của hộ cung cấp cho khách hàng.

➤ **Ví dụ 23:** Thu nhập ngành dịch vụ được hợp ở biểu 17

#### **Biểu 17: Hạch toán thu - chi ngành dịch vụ**

(Biểu này được lấy số liệu từ biểu 12)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Loại dịch vụ	Tổng thu	Tổng chi	Lợi nhuận (Thu – chi)	Ghi chú
1	Cây thuê	31.200	24.600	6.600	
2	Bán phân NPK	450.000	436.200	13.800	
	<b>Tổng</b>	<b>481.200</b>	<b>460.800</b>	<b>20.400</b>	

#### 6.5. Tổng hợp hạch toán sản xuất sau một năm

➤ **Ví dụ 24:** Hạch toán sản xuất kinh doanh sau một năm được tổng hợp ở biểu 18.

**Biểu 18: Hạch toán sản xuất sau một năm***(Biểu này được tổng hợp từ biểu 10,11,12, 15, 16, 17)**Đơn vị tính: 1000đồng*

T	Sản phẩm Chỉ tiêu	Lúa nước	Sắn	Vải thiều	Trồng rừng	Lợn siêu thịt	Gà siêu thịt	Ngan siêu thịt	Dịch vụ cây thuê	Dịch vụ bán phân NPK	Tổng hợp
1	Diện tích	14sào	4sào	200cây	2ha	16con	180con	70con			
	Sản lượng	3.150kg	2000kg	6.000kg	60m <sup>3</sup>	1.380kg	540kg	280kg	520sào	99,5 tấn	
	Giá trị	22.050	12.000	30.000	60.000	96.600	43.200	19.600	31.200	450.800	
2	A. Chi phí SX	14.940	5.396	21.100	38.908	71.820	42.049	18.140	24.600	436.200	
	1) Chi phí cố định	50	50	100	100	200	100	50	2000	1000	
	2) Chi phí biến đổi	3.784	286	6.500	3.008	54.800	41.940	16.300	17.000	401.400	
	3) Chi nhân công	10.910	5.000	14.000	34.200	16.320	8.320	1.680	4.400	8.800	
	4) Chi khác	196	60	500	1.600	500	320	80	1.200	25.000	
3	Lãi	7.110	6.604	8.900	21.092	28.780	1.160	1.460	6.600	13.739	<b>95.506</b>
	Lãi suất %	47,6	122,4	42,2	54,2	40,0	2,8	8,1	26,8	3,1	
	Thu nhập	18.020	11.604	22.900	55.292	45.100	9.480	3.140	11.000	22.539	<b>199.136</b>
	Thu nhập ngày công	225	232	164	158	221	91	150	200	225,39	
	Giá thành sản phẩm	4,7	2,7	3,5	648	52	78	65	47	438	
	Giá trị đơn vị diện tích	1,575/m <sup>2</sup>	3,000/m <sup>2</sup>								

**6.6. Hạch toán chi tiêu và cân đối thu chi sau một năm:**

- Các khoản chi:

- + Chi ăn (lương thực, thực phẩm và các khoản khác)
- + Chi mặc (mua sắm may mặc cho các thành viên trong gia đình)
- + Chi phí giáo dục (học tập của con cái)
- + Chi phí văn hoá xã hội, thăm viếng, hiếu hỉ

- + Chi phí khám chữa bệnh
- + Chi khác.
- Các khoản thu nhập trong gia đình
- + Lương hưu
- + Quà cho, biếu, tặng
- + Các khoản thu (Tür trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ tiền lãi ngân hàng)

➤ **Ví dụ 25:** Chi tiêu và cân đối thu, chi sau một năm được tổng hợp ở biểu 19.

**Biểu 19: Hạch toán chi tiêu và cân đối thu**

*Đơn vị tính: 1.000đồng*

TT	Danh mục chi	Mức chi	Ghi chú
1	Ăn	28.800	Lương thực cho 6 khẩu, thức ăn, muối mắm, rượu, thuốc Lào..
2	Mặc	6.000	- Người lớn 3 người - Trẻ em 3 người
3	Học	15.000	Học phí, sách giấy, bút mực
4	Văn hoá xã hội	10.000	- Thăm hỏi hiếu, hỉ - Mua biếu áp, ti vi
5	Giỗ tết, cưới xin	12.000	Ngày giỗ, tết
6	Y tế, thuốc phòng bệnh	5.000	Mua thuốc lúc ốm đau và thuốc bổ
<b>Cộng</b>		<b>76.800</b>	

Cân đối thu, chi trong năm = Tổng thu nhập năm – Tổng chi phí năm

Cân đối thu, chi trong năm nhà ông A là:

$$199.136.000 \text{ đồng} - 76.800.000 \text{ đồng} = 122.336.000 \text{ đồng.}$$

### B. Câu hỏi và bài tập thực hành

Bài tập	Hình thức thực hiện	Thời gian	Kết quả và sản phẩm
1. Hạch toán doanh thu và lợi nhuận	Cá nhân	16 giờ	- Doanh thu - Lợi nhuận



**C. Ghi nhớ**

- Chi phí cố định: Máy móc, dụng cụ, công cụ phân bổ giá trị của nó theo thời gian và cho từng sản phẩm (khấu hao tài sản)
- Chi phí biến đổi: Giống, phân bón, thuốc trừ sâu dùng vào sản phẩm nào tính cho sản phẩm đó
- Chi phí nhân công: Tất cả các công lao động của gia đình phục vụ sản xuất tính theo giá thị trường, theo giá từng địa phương.
- Chi phí khác: Thuế, thủy lợi, vận chuyển tìm hiểu thị trường, trả lãi vay ngân hàng.

## HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔ ĐUN: LẬP KẾ HOẠCH VÀ HẠCH TOÁN SẢN XUẤT NÔNG LÂM KẾT HỢP

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Mô đun Lập kế hoạch và hạch toán sản xuất nông lâm kết hợp được giảng dạy sau khi học viên đã học xong các mô đun Xác định nhu cầu thị trường và lựa chọn sản phẩm nông lâm kết hợp; Thiết lập hệ thống nông lâm kết hợp; Trồng cây trong hệ thống nông lâm kết hợp; Chăn nuôi trong hệ thống nông lâm kết hợp;

- Môn học này trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết về lập kế hoạch và hạch toán sản xuất nông lâm kết hợp.

### II. Mục tiêu của mô đun:

- Trình bày được những kiến thức về lập kế hoạch và hạch toán sản xuất nông lâm kết hợp;

- Thực hiện được các công việc lập kế hoạch, hạch toán trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm nông lâm ngư nghiệp trong nền kinh tế thị trường;

### III. Nội dung chính của mô đun

Mã bài	Tên bài	Loại bài dạy	Địa điểm	Thời lượng	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra*
				Tổng số			
MĐ05-01	Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp	Tích hợp	Lớp học	12	5	6	1
MĐ05-02	Hạch toán sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp	Tích hợp	Lớp học và hiện trường	40	9	30	1
	<i>Kiểm tra hết mô đun</i>			4			4
	<b>Cộng</b>			<b>56</b>	<b>14</b>	<b>36</b>	<b>06</b>

\* **Ghi chú:** Kiểm tra tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nên thời gian kiểm tra được tính trong tổng số giờ thực hành.

#### IV. Hướng dẫn thực hiện bài tập, bài thực hành

##### 4.1. Các hoạt động

- 1) Học viên đọc tài liệu trước
- 2) Nghe giáo viên trình bày (hướng dẫn ban đầu)
- 3) Chia nhóm trao đổi thảo luận câu hỏi, bài tập thực hành (4 – 5 nhóm)
- 4) Thực hành lập kế hoạch sản xuất và hạch toán sản xuất kinh doanh trong nông lâm kết hợp

##### 4.2. Điều kiện cơ sở vật chất, nguyên vận liệu

- 1) Phòng học, hiện trường tham quan học tập
- 2) Giấy A<sub>0</sub>; Giấy A<sub>4</sub>; Bút dạ; Thước kẻ; Máy tính tay;

Nguyên vật liệu	Số lượng
- Giấy A <sub>0</sub>	56 tờ
- Giấy A <sub>4</sub>	0,5 gam
- Bút dạ	14 cái
- Thước kẻ	7 cái
- Máy tính tay	7 chiếc
- Băng dán giấy	2 cuộn

- 3) Sổ ghi chép; Máy vi tính (nếu có); Bản mẫu kế hoạch; Bản mẫu hạch toán

#### V. Yêu cầu về đánh giá kết quả học tập

##### 5.1. Bài 1: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
- Biểu kế hoạch sản lượng, diện tích, năng suất cây trồng	Theo dõi, kiểm tra và đánh giá khi thực hiện lập kế hoạch
- Biểu kế hoạch làm đất	
- Biểu kế hoạch giống cây trồng	
- Biểu kế hoạch phân bón	
- Kế hoạch tưới nước	

- Kế hoạch phòng trừ sâu bệnh	
-------------------------------	--

**5.2.Bài 2:** Hạch toán chi phí, doanh thu và lợi nhuận

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
1. Tính chi phí khấu hao	Kiểm tra
2. Tính chi phí sản xuất	Kiểm tra
3. Tính giá thành sản phẩm	Kiểm tra
4. Tính doanh thu và lợi nhuận	Kiểm tra

**5.3.Bài 3:** Hạch toán sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp

Tiêu chí đánh giá	Cách thức đánh giá
1. Xác định các tiêu chí đánh giá	Kiểm tra
2. Hạch toán thu – chi ngành trồng trọt	Kiểm tra
3. Hạch toán thu – chi ngành chăn nuôi	Kiểm tra
4. Hạch toán thu – chi ngành nghề dịch vụ	Kiểm tra

**VI. Tài liệu tham khảo**

1. Năm 1993. *Kinh tế trang trại gia đình trên Thế giới và Châu Á*, NXB Khoa học xã hội.
2. Năm 1995. *Kinh tế hộ Nông, Lâm nghiệp*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.
3. Năm 1997. *Kinh tế hộ, lịch sử và triển vọng phát triển*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội .
4. Năm 2000. Lê Đức Sửu . *Giáo trình Quản lý kinh tế hộ trang trại*, nhà xuất bản Nông nghiệp.
5. TS. Nguyễn Đức Thịnh, 2001. *Kinh tế trang trại- các tỉnh Trung du, Miền núi phía Bắc*, NXB Khoa học xã hội.
6. PGS-TS.Lê Trọng, 2002. *Phát triển và quản lý trang trại trong kinh tế thị trường*.
7. TS. Nguyễn Đình Điền, 2002. *Trang trại gia đình- Bước phát triển mới của kinh tế Hộ Nông dân*, NXB Nông nghiệp.

**DANH SÁCH BAN CHỦ NHIỆM XÂY DỰNG  
CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

*(Kèm theo Quyết định số 2744 /BNN-TCCB ngày 15 tháng 10 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

- 1. Chủ nhiệm:** Ông Nguyễn Thành Vân - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc
- 2. Phó chủ nhiệm:** Ông Nguyễn Ngọc Thụy - Trưởng phòng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 3. Thư ký:** Ông Nguyễn Quang Chung - Phó giám đốc Trung tâm Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc
- 4. Các ủy viên:**
  - Ông Nguyễn Tiên Phong, Giáo viên Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc
  - Bà Lê Thị Tình, Giáo viên Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ
  - Bà Nguyễn Thị Duyên, Giáo viên Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc
  - Ông Nguyễn Kế Tiếp, Chuyên viên Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quốc gia./.

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU  
CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

*(Theo Quyết định số 3495 /QĐ-BNN-TCCB ngày 29 tháng 12 năm 2010  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

- 1. Chủ tịch:** Ông Nguyễn Văn Thực - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ
- 2. Thư ký:** Bà Đào Thị Hương Lan - Phó trưởng phòng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 3. Các ủy viên:**
  - Ông Phan Thanh Minh, Trưởng khoa Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Nam Bộ
  - Bà Phạm Thanh Thủy - Phó trưởng khoa Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ
  - Ông Nguyễn Tuấn Hào - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy Phù Ninh./.